

**PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH QUÝ I**

(Kèm theo Công văn số /SKHĐT-TH ngày tháng 3 năm 2021 của

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện Quý I/2021
1	2	3	4	5
1	Giá trị Tổng sản phẩm (GRDP theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	53.406	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	18.711	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	7.898	
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4.485</i>	
	<i>+ Xây dựng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3.413</i>	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	24.162	
	- Riêng Thuế SP trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	2.635	
*	Giá trị Tổng sản phẩm (GRDP - theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	91.199	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản		30.691	
	- Công nghiệp và xây dựng		13.616	
	<i>Trong đó: + Công nghiệp</i>		<i>8.417</i>	
	<i>+ Xây dựng</i>		<i>5.199</i>	
	- Dịch vụ		42.396	
	- Riêng Thuế SP trừ trợ cấp SP		4.496	
*	Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành		100,00	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	33,65	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	14,93	
	- Dịch vụ	%	46,49	
	- Riêng Thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,93	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	48,07	
3	Huy động vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	29.800	
4	Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	650	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	85.600	
6	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	7.412	
	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	17.456,48	
7	Phát triển cơ sở hạ tầng (đến năm 2025)			
	- Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước	%	82,65	
	- Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường tỉnh	%	96,01	
	- Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường huyện	%	92,41	
	- Tỷ lệ nhựa hoặc bê tông hoá đường xã, liên xã	%	65,96	
	- Tỷ lệ đô thị hóa	%	26,40	
8	Phát triển doanh nghiệp (DN), HTX			
	- Số DN và Chi nhánh của DN ngoài tỉnh đang còn hoạt động	DN	11.150	
	- Số DN thành lập mới	DN	1.350	
	- Số HTX thành lập mới	HTX	40	
9	Giảm nghèo			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện Quý I/2021
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều 2021-2025 - giảm bình quân/năm)	%	1,5-2	
	<i>Trong đó: Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số</i>	%	3-4	
	- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,50	
10	Lao động, việc làm			
	- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế	%	60,00	
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	61,00	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ lao động có bằng, cấp, chứng chỉ</i>	%	20,19	
	- Số lao động được giải quyết việc làm trong năm	Ngh. người	29,8	
	<i>Trong đó: Xuất khẩu lao động</i>	Người	1.250	
11	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia (đến năm 2025)	%	52,00	
12	Về Y tế			
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi)	%	18,20	
	- Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	27,50	
	- Số bác sỹ trên một vạn dân (đến năm 2025)	Bác sỹ	6,85	
	- Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế theo Quyết định số 1176/QĐ-TTg ngày 28/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ (đến năm 2025)	%	91,27	
13	Nông thôn mới			
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	45,4	
	- Đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới (đến năm 2025)	đơn vị	2	
14	Về môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu			
	- Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (đến năm 2025)	%	22,22	
	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị được xử lý	%	90,70	
	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (đến năm 2025)	%	95,50	
	- Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	90,50	
	- Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su)	%	39,04	
15	Quốc phòng, an ninh			
	- Tỷ lệ đạt chỉ tiêu tuyển quân	%	100,00	
	- Tổ chức diễn tập theo cơ chế NQ28 (nếu có)			
	+ Cấp huyện (hàng năm)	huyện	4	
	+ Tổng số xã, phường, thị trấn	xã, phường, thị trấn	46	
	- Tỷ lệ điều tra làm rõ số vụ án hình sự	%	>85	

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Kết quả thực hiện Quý I/2021
	<i>Trong đó: Tỷ lệ điều tra khám phá án hình sự rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng</i>	%	>90	
16	Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index)		<i>Tăng 5-7 bậc so với năm 2020</i>	
-	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ	%	>20	
-	Thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	%	>70	
-	Thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	%	>25	

* **Ghi chú:** Các đơn vị chủ động rà soát, cập nhật Kế hoạch 2021 của đơn vị mình, giải trình lý do chế năm 2021 tại Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh (nếu có).

Kết quả thực hiện cùng kỳ năm 2020	So sánh kết quả thực hiện (%)		Ghi chú
	So với kế hoạch năm 2021	So với cùng kỳ năm 2020	

ình lịch số liệu so với chỉ tiêu kế hoạch nhà nước